TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2018/DS-ST.
Ngày 30-11-2018.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Đững.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ái Hòa;

2. Bà Dương Thị Mỹ Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 288/2017/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hồ Văn G, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Ấp S S, xã A T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Anh Phạm Minh Q, sinh năm 1985; vắng mặt.

2. Chị Trần Thị Mỹ X, sinh năm 1989; vắng mặt.

Cùng hộ khẩu thường trú: Ấp N H, xã T H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Cùng tạm trú: Ấp S S, xã A T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn

anh Hồ Văn G trình bày: Trước đây, anh có cho anh Phạm Minh Q vay số tiền 30.000.000 đồng, đã quá hạn nhưng anh Q không trả tiền. Vì vậy, ngày 10-4-2017, anh viết Giấy mượn tiền và anh Q ký tên vào. Đồng thời, anh Q giao cho anh giữ bản chính Giấy chứng minh nhân dân của anh Q để làm tin, anh đã nộp Giấy chứng minh nhân dân trên cho Tòa án.Theo giấy mượn tiền thời hạn cho vay 03 tháng, nếu sau 03 tháng không trả tiền thì sẽ trả tiền lãi 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Thực tế, anh Q không trả tiền nợ gốc, không trả tiền lãi cho anh.

Ngày 22-6-2018, anh có yêu cầu Viện Khoa học hình sự – Bộ Công an giám định chữ ký của anh Q trong Giấy mượn tiền ngày 10-04-2017 (Bút lục số 04) có phải do anh Q ký không.

Ngày 10-9-2018, Viện Khoa học hình sự –Bộ Công an có Kết luận giám định số 255/C09-P5 kết luận chữ ký trong Giấy mượn tiền ngày 10-04-2017 (Bút lục số 04) là do anh Q ký.

Nay anh yêu cầu vợ chồng anh Q, chị X trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồn.

Tòa án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ anh Q nhưng anh Q không đến Tòa án để tham gia tố tụng trong vụ án, không nộp bản tự khai cho Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh G.

Theo các lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Trần Thị Mỹ X trình bày: Chị là vợ anh Q, chị không đồng ý trả nợ cho anh G vì chị không vay tiền của anh G.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn G đối với anh Phạm Minh Q và chị Trần Thị Mỹ X. Buộc anh Q và chị X trả cho anh G số tiền 30.000.000 đồng. Ghi nhận anh G không yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Minh Q, chị Trần Thị Mỹ X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội

đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp: Anh G yêu cầu vợ chồng anh Q, chị X trả số tiền vay 30.000.000 đồng. Chứng cứ anh G xuất trình là Giấy mượn tiền ngày 10-04-2017 (Bút lục số 04). Chị X không đồng ý trả nợ cho anh G vì chị không vay tiền của anh G. Mặc dù, Tòa án đã tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh Q. Anh Q không đến Tòa án tham gia tố tụng trong vụ án, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh G. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Xét lời trình bày của anh G thể hiện: Anh Q trực tiếp vay tiền của anh G, chị X không vay tiền của anh G. Mặt khác, căn cứ vào Kết luận giám định số 255/C09-P5 kết luận chữ ký trong Giấy mượn tiền ngày 10-04-2017 (Bút lục số 04) là do anh Q ký. Vì vậy, có căn cứ khẳng định anh Q có vay của anh G số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 10-04-2017 như bút lục số 04 đã thể hiện. Xét lời trình bày của chị X cho rằng chị không vay tiền của anh G nên chị không đồng ý trả. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Thời điểm anh Q vay tiền của anh G thì anh Q và chị X vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân, anh Q và chị X ly hôn ngày 16-01-2018. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 buộc chị X liên đới cùng anh Q trả nợ cho anh G.

Khi khởi kiện anh G yêu cầu vợ chồng anh Q, chị X trả số tiền vay 30.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 10-4-2017 đến ngày Tòa xét xử vụ án. Tại phiên tòa, anh G thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Anh G yêu cầu vợ chồng anh Q, chị X trả số tiền vay 30.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh G không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh G theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh G là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn G yêu cầu vợ chồng anh Phạm Minh Q, chị Trần Thị Mỹ X trả số tiền vay 30.000.000 đồng theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với 01 Giấy chứng minh nhân dân số 271662687 mang tên Phạm Minh Q do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22-9-2011 cần tuyên trả lại cho anh Q là phù hợp.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Q, chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[6] Chi phí giám định: Buộc anh Q và chị X hoàn trả cho anh G số tiền 5.100.000 đồng theo quy định tại Điều 161, 162 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228, Điều 244, 161, 162 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn G tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với anh Phạm Minh Q và chị Trần Thị Mỹ X.

2. Buộc anh Phạm Minh Q và chị Trần Thị Mỹ X trả cho anh Hồ Văn G số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng.

Ghi nhận anh G không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Tuyên trả lại cho anh Phạm Minh Q bản chính của 01 Giấy chứng minh nhân dân số 271662687 mang tên Phạm Minh Q do Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22-9-2011.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Hồ Văn G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho anh G số tiền 950.000 (Chín trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009499 ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Anh Phạm Minh Q và chị Trần Thị Mỹ X phải chịu 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chi phí giám định: Buộc anh Phạm Minh Q và chị Trần Thị Mỹ X hoàn trả cho anh Hồ Văn G số tiền 5.100.000 (Năm triệu một trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Báo cho anh G biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Q, chị X vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Đững